TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 668/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần giải quyết việc dân sự* gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 2525/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây :

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Bà Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Shinchang-dong, Gwangsan-gu, Gwangju Metropolitan City, Korea.

Và ông Nông Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 14/5/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, Quyển số 01/2011 ngày 15/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và thường

xuyên cãi vã với nhau. Hiện nay ông, bà xác định hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống, ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nông Nhật L, sinh ngày 24/8/2012. Ông, bà thống nhất giao trẻ L cho ông Nông Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, các đương sự vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến như sau: Việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H là hoàn toàn tự nguyện, hai bên đã tự thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và xác nhận không có nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hiện nay, bà N đang cư trú tại Hàn Quốc nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H có đơn yêu cầu vắng mặt không tham gia phiên họp, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H yêu cầu được thuận tình ly hôn:

Xét thấy, về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của bà N và ông H thì mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, các bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp, được chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông H thống nhất giao trẻ Nông Nhật L cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ L thành niên, bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H chịu. Lệ phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thiên N chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 149; Điều 361; Điều 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, Quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 15/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nông Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nông Nhật L, sinh ngày 24/8/2012 cho đến khi trẻ thành niên.

Bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ L thành niên, việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ

nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

5. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thiên N và ông Nông Văn H chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà N và ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0032909 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà N và ông H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Lệ phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thiên N phải chịu.

6. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lưu Thị Thủy Tiên